

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ ASEAN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Hà Nội, tháng 03 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ ASEAN

Số 239, phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Asean (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh
Bà Trần Thị Nguyệt	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Hải	Thành viên
Bà Ngô Lan Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Hồng Hải	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Đang	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này là bà Trần Thị Nguyệt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và bà Nguyễn Hồng Hải - Tổng Giám đốc.

Ông Trần Văn Đang nhận ủy quyền ký các văn bản pháp lý và các hợp đồng của Công ty từ bà Nguyễn Hồng Hải theo Giấy ủy quyền số 15/2019/UQ-TGD kí ngày 05/04/2019, có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày có văn bản chấm dứt, hủy bỏ hoặc thay thế giấy ủy quyền này.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó, đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Văn Đăng
Phó Tổng Giám đốc

Theo Ủy quyền số 15/2019/UQ-TGD ngày 05/04/2019 của bà Nguyễn Hồng Hải - Tổng Giám đốc Công ty Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Số: 415 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Asean**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Asean (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2020, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bùi Ngọc Bình

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020



Đặng Thị Minh Hạnh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3290-2020-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		614.709.827.378	102.284.318.361
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.483.391.522	7.570.831.941
1. Tiền	111		7.483.391.522	7.570.831.941
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.160.974.900	155.314.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	501.494.985	501.494.985
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5	(340.520.085)	(346.180.785)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	500.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.157.180.717	633.901.352
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		220.748.000	23.624.731
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		138.052.500	45.175.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.426.125.000	2.486.125.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	19.490.200.357	5.196.921.761
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(7.117.945.140)	(7.117.945.140)
IV. Hàng tồn kho	140	10	89.964.042.581	91.381.533.634
1. Hàng tồn kho	141		89.964.042.581	91.412.485.747
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(30.952.113)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.944.237.658	2.542.737.234
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	303.878.511	902.378.087
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	20	1.640.359.147	1.640.359.147
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		118.847.252.610	112.818.117.237
I. Tài sản cố định	220		35.191.152.773	45.842.847.933
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	17.893.261.602	18.032.956.762
- Nguyên giá	222		42.975.434.238	44.493.697.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.082.172.636)	(26.460.740.603)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.297.891.171	27.809.891.171
- Nguyên giá	228		17.719.737.421	28.192.737.421
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(421.846.250)	(382.846.250)
II. Bất động sản đầu tư	230	13	30.385.309.701	20.055.270.501
- Nguyên giá	231		31.233.797.701	20.760.797.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(848.488.000)	(705.527.200)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	12.944.947.927	6.907.698.800
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.944.947.927	6.907.698.800
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	40.000.000.000	40.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		40.000.000.000	40.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		325.842.209	12.300.003
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	325.842.209	12.300.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		733.557.079.988	215.102.435.598

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		526.693.528.938	12.129.587.740
I. Nợ ngắn hạn	310		526.693.528.938	12.129.587.740
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	3.594.619.822	548.167.260
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	10.017.000.000	10.007.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	280.023.818	152.614.315
4. Phải trả người lao động	314		629.872.562	706.812.094
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		55.672.360	55.672.360
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	11.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	511.515.905.289	124.086.624
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	596.350.000	520.150.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.085.087	4.085.087
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		206.863.551.050	202.972.847.858
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	206.863.551.050	202.972.847.858
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		206.000.000.000	206.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		206.000.000.000	206.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.332.685.748	4.332.685.748
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.606.312.413	2.606.312.413
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.325.090.442	4.325.090.442
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.400.537.553)	(14.291.240.745)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(14.291.240.745)	(9.715.948.800)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.890.703.192	(4.575.291.945)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		733.557.079.988	215.102.435.598

Lý Tiến Mạnh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Tú Quyên
Kế toán trưởng

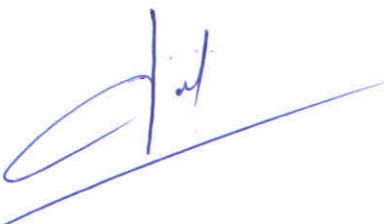
Trần Văn Đăng
Phó Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	956.731.129.168	800.657.118.818
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	4.000.000	-
3. vụ (10 = 01 - 02)	10	24	956.727.129.168	800.657.118.818
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	25	936.642.493.607	786.078.096.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.084.635.561	14.579.022.378
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.748.170.262	1.876.351.362
7. Chi phí tài chính	22	27	52.021.480	27.902.633
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		52.500.000	-
8. Chi phí bán hàng	25	28	14.587.890.563	15.692.704.347
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	5.821.665.804	5.260.546.217
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		3.371.227.976	(4.525.779.457)
11. Thu nhập khác	31	29	620.024.278	272.727
12. Chi phí khác	32		100.549.062	49.785.215
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		519.475.216	(49.512.488)
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.890.703.192	(4.575.291.945)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	-
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		3.890.703.192	(4.575.291.945)
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	32	189	(222)


Lý Tiến Mạnh
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020


Nguyễn Thị Tú Quyên
Kế toán trưởng


Trần Văn Đàng
Phó Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	3.890.703.192	(4.575.291.945)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2	1.250.980.955	1.290.458.520
Các khoản dự phòng	3	(36.612.813)	(24.560.192)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(4.363.161.516)	(1.845.755.637)
Chi phí lãi vay	6	52.500.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	8	794.409.818	(5.155.149.254)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(11.673.964.297)	455.847.386
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	1.448.443.166	(1.803.844.620)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	512.300.882.276	682.966.023
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	284.957.370	(586.233.784)
Tiền lãi vay đã trả	14	(52.500.000)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(26.657.244)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	503.102.228.333	(6.433.071.493)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.779.715.200)	(6.700.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	620.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(40.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	893.846.448	1.845.755.637
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(503.265.868.752)	(44.854.244.363)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.076.200.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.000.000.000)	(369.474.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	76.200.000	(369.474.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(87.440.419)	(51.656.789.856)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.570.831.941	59.227.621.797
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	7.483.391.522	7.570.831.941


Lý Tiến Mạnh
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020


Nguyễn Thị Tú Quyên
Kế toán trưởng


Trần Văn Đăng
Phó Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Asean được thành lập theo công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103034278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 12 năm 2008 trên cơ sở chuyển đổi cổ phần hóa từ công ty Kinh doanh Mỹ nghệ Vàng bạc Đá quý Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 ngày 07 tháng 11 năm 2019.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 239 Phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 01 trụ sở chính và 04 chi nhánh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 90 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 106 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh; kinh doanh vàng, bạc, đá quý, hàng trang sức, mỹ nghệ;
- Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan: sản xuất, chế tác hàng trang sức vàng, bạc, đá quý, hàng trang sức, mỹ nghệ;
- Đại lý môi giới, đầu giá: nhận gửi giữ, làm đại lý vàng, đá quý, kim khí quý cho các cá nhân tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ: dịch vụ đảm bảo giá trị bằng vàng, dịch vụ tư vấn đầu tư kinh doanh vàng, dịch vụ cho thuê kết sắt, cất trữ vàng, bạc, đá quý, nhận ủy thác, làm đại lý trong các hoạt động ngân hàng;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật: Kiểm định vàng bạc đá quý, hàng trang sức, các kim loại quý;
- Kho bãi lưu trữ hàng hóa: kinh doanh kho ngoại quan vàng bạc đá quý;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
- Hoạt động cấp tín dụng; Kinh doanh dịch vụ cầm đồ;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm, khai thác mỏ vàng bạc đá quý và các loại khoáng sản khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu vui chơi giải trí, khu trung tâm thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán nguyên vật liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh: Kinh doanh xăng dầu;
- Bán buôn chuyên doanh khác: Kinh doanh khoáng sản, nông sản, lâm sản, hải sản;
- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo thợ kim hoàn, thợ kỹ thuật, đào tạo nghiệp vụ kinh doanh vàng, nghiệp vụ bán hàng, vi tính, ngoại ngữ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: Xuất nhập khẩu vàng, bạc, đá quý, hàng trang sức, mỹ nghệ và các loại hàng hóa khác, xuất nhập khẩu khoáng sản, nông sản, lâm sản, hải sản.

Hoạt động chính

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh; kinh doanh vàng, bạc, đá quý, hàng trang sức, mỹ nghệ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2019, không có vấn đề biến động lớn nào trong hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng: Đối với tài sản và nợ phải trả Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ tài chính, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập/(hoàn nhập) tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: Việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại bên nhận đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 35
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất lâu dài không được trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và tài sản cố định vô hình khác đang sử dụng tại Công ty và đang được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (Số năm)
Phần mềm máy tính	04 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 43 năm.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, đã xuất dùng, các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, trên báo cáo tài chính của Công ty có khoản lỗ lũy kế là 8.140.938.187 VND, có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 05 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	5.107.353.902	6.111.061.760
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.751.216.288	939.620.181
Tiền gửi tại tài khoản chứng khoán	28.471.332	-
Vàng tiền tệ	596.350.000	520.150.000
Cộng	7.483.391.522	7.570.831.941

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch (i)	501.494.985	(340.520.085)	160.974.900	501.494.985	(346.180.785)	155.314.200
Cộng	501.494.985	(340.520.085)	160.974.900	501.494.985	(346.180.785)	155.314.200

Chi tiết cổ phiếu nắm giữ:

Mã chứng khoán	Số cuối năm	Số đầu năm
	(Cổ phần)	(Cổ phần)
PTL	4.000	4.000
EBS	5.000	5.000
PVL	4.500	4.500
PVX	3.000	3.000
SDD	4.030	4.030
GGG	8.085	8.085
PXM	5.500	5.500
VNI	6.790	6.790
Cộng	40.905	40.905

Ghi chú:

- (i) Đối với chứng khoán đã niêm yết/đăng ký giao dịch, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trái phiếu (i)	500.000.000.000	-	-	-
Cộng	500.000.000.000	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Mua 50.000 trái phiếu, giá mua 10.000.000 VND/trái phiếu (bằng mệnh giá) của Công ty Cổ phần Du lịch Thung lũng Nữ Hoàng theo Hợp đồng số 02/2019/HĐĐMTP/QVC-VANGAGRIBANKVIETNAM ngày 05/08/2019. Trái phiếu mua ngày 19/09/2019, kỳ hạn 5 năm, lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ông Phạm Quang Điện (i)	876.000.000	(876.000.000)	876.000.000	(876.000.000)
Bà Nguyễn Việt Hà (i)	138.700.000	(138.700.000)	138.700.000	(138.700.000)
Ông Đinh Tùng An (i)	279.225.000	(279.225.000)	279.225.000	(279.225.000)
Ông Nguyễn Duy Sơn (i)	208.050.000	(208.050.000)	208.050.000	(208.050.000)
Bà Đỗ Thu Thủy (i)	182.500.000	(182.500.000)	182.500.000	(182.500.000)
Ông Đào Huy Trọng (i)	441.650.000	(441.650.000)	441.650.000	(441.650.000)
Ông Trần Quốc Hải	300.000.000	-	300.000.000	-
Bà Từ Thị Kim Tân	-	-	60.000.000	-
Cộng	2.426.125.000	(2.126.125.000)	2.486.125.000	(2.126.125.000)

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31/12/2019, số dư phải thu về cho vay ngắn hạn là các khoản tiền cho vay phát sinh từ trước cổ phần hóa. Công ty không có khả năng thu hồi và đã trích lập dự phòng 100%.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	543.405	-	3.422.610	-
Bảo hiểm y tế	95.895	-	603.990	-
Bảo hiểm thất nghiệp	42.620	-	268.440	-
Phải thu người lao động (i)	4.962.420.140	(4.962.420.140)	4.995.096.530	(4.962.420.140)
Lãi dự thu trái phiếu (ii)	14.246.575.341	-	-	-
Lãi dự thu khác	2.945.455	-	2.945.455	-
Tạm ứng	198.857.524	-	59.793.524	-
Các khoản phải thu khác	78.719.977	-	134.791.212	-
Cộng	19.490.200.357	(4.962.420.140)	5.196.921.761	(4.962.420.140)

Ghi chú:

- (i) Số dư phải thu cán bộ nhân viên bao gồm khoản phải thu Ông Nguyễn Tuấn Anh với số tiền là 4.730.626.375 VND liên quan đến vụ án lừa đảo và chiếm đoạt tài sản theo Quyết định số 28/QĐ-CTHA ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản phải thu này theo Nghị quyết số 08/NQ/AJC-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị do đối tượng phải thu đang thi hành án và Công ty đánh giá khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.
- (ii) Tiền dự thu lãi trái phiếu mua của Công ty Cổ phần Du lịch Thung lũng Nữ Hoàng theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 02/2019/HĐĐMTP/QVC-VANGAGRIBANKVIETNAM ngày 05/08/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cho vay cá nhân bằng vàng	2.126.125.000	(2.126.125.000)	2.126.125.000	(2.126.125.000)
Phải thu cán bộ nhân viên	4.962.420.140	(4.962.420.140)	4.962.420.140	(4.962.420.140)
Ứng trước cho người bán	29.400.000	(29.400.000)	134.791.212	(29.400.000)
Cộng	7.117.945.140	(7.117.945.140)	7.223.336.352	(7.117.945.140)

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.089.297.548	-	41.499.050	-
Công cụ, dụng cụ	37.196.390	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	192.359.360	-
Hàng hóa	84.837.548.643	-	91.178.627.337	(30.952.113)
Cộng	89.964.042.581	-	91.412.485.747	(30.952.113)

Ghi chú:

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 30.952.113 VND (năm 2018 là 25.293.192 VND). Lý do dẫn đến hoàn nhập do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tăng do giá trị thị trường tăng.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	25.661.932.258	9.917.145.922	7.778.678.893	1.135.940.292	44.493.697.365
Tăng do mua sắm	-	971.794.560	-	-	971.794.560
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.447.588.122)	-	(2.447.588.122)
Giảm khác	-	(42.469.565)	-	-	(42.469.565)
Số dư cuối năm	25.661.932.258	10.846.470.917	5.331.090.771	1.135.940.292	42.975.434.238
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	8.195.853.024	9.672.875.104	7.551.950.023	1.040.062.452	26.460.740.603
Khấu hao trong năm	817.924.764	61.617.004	160.043.952	71.904.000	1.111.489.720
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.447.588.122)	-	(2.447.588.122)
Giảm khác	-	(42.469.565)	-	-	(42.469.565)
Số dư cuối năm	9.013.777.788	9.692.022.543	5.264.405.853	1.111.966.452	25.082.172.636
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	17.466.079.234	244.270.818	226.728.870	95.877.840	18.032.956.762
Tại ngày cuối năm	16.648.154.470	1.154.448.374	66.684.918	23.973.840	17.893.261.602

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 14.944.264.570 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 17.679.273.267 VND).

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết và đã bị hỏng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 244.951.010 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	27.731.891.171	260.246.250	200.600.000	28.192.737.421
Giảm do phân loại lại	(10.473.000.000)	-	-	(10.473.000.000)
Số dư cuối năm	17.258.891.171	260.246.250	200.600.000	17.719.737.421
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	182.246.250	200.600.000	382.846.250
Khấu hao trong năm	-	39.000.000	-	39.000.000
Số dư cuối năm	-	221.246.250	200.600.000	421.846.250
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	27.731.891.171	78.000.000	-	27.809.891.171
Số dư cuối năm	17.258.891.171	39.000.000	-	17.297.891.171

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 304.846.250 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 304.846.250 VND).

Trong những năm trước, Công ty thực hiện hạch toán chi phí chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, san nền, hệ thống điện, hệ thống điện chiếu sáng nội bộ trong cụm công nghiệp, nhà máy nước, hệ thống cấp nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát nước, tường rào, cây xanh và vỉa hè nội bộ sử dụng chung trong Cụm Công nghiệp Duyên Thái từ chủ đầu tư khu công nghiệp vào giá trị tài sản cố định vô hình với số tiền là 10.473.000.000 VND. Năm 2019, Công ty đã thực hiện phân loại tài sản trên vào tài sản bất động sản đầu tư.

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá	Bất động sản cho thuê	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	14.261.807.701	6.498.990.000	20.760.797.701
Tăng do phân loại lại	10.473.000.000	-	-
Số dư cuối năm	24.734.807.701	6.498.990.000	31.233.797.701
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	705.527.200	705.527.200
Khấu hao trong năm	-	142.960.800	142.960.800
Số dư cuối năm	-	848.488.000	848.488.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	14.261.807.701	5.793.462.800	20.055.270.501
Số dư cuối năm	24.734.807.701	5.650.502.000	30.385.309.701

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trụ sở số 94 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	2.250.349.063	124.436.500
Chi phí mua lại nhà 239 phố Vọng của CBNV	9.206.212.000	6.706.212.000
Trụ sở số 92 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	77.050.300	77.050.300
Trụ sở số 98 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.411.336.564	-
Cộng	12.944.947.927	6.907.698.800

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Du lịch Nghi đường và Vui chơi Giải trí Phú An	40.000.000.000	-	(i)	40.000.000.000	-	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	303.878.511	902.378.087
Chi phí trợ cấp thôi việc cho người lao động	-	809.895.417
Công cụ dụng cụ xuất dùng	46.507.930	-
Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác	257.370.581	92.482.670
b) Dài hạn	325.842.209	12.300.003
Công cụ dụng cụ xuất dùng	295.461.755	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	30.380.454	12.300.003
Cộng	629.720.720	914.678.090

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hà Nội	2.125.912.563	2.125.912.563	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG	600.000.000	600.000.000	-	-
Các đối tượng khác	868.707.259	868.707.259	548.167.260	548.167.260
Cộng	3.594.619.822	3.594.619.822	548.167.260	548.167.260
<i>Trong đó, phải trả người bán là bên liên quan</i>	<i>600.000.000</i>	<i>600.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG	600.000.000	600.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Phương Anh (i)	10.007.000.000	10.007.000.000
Các đối tượng khác	10.000.000	-
Cộng	10.017.000.000	10.007.000.000

Ghi chú:

- (i) Số tiền trả trước theo biên bản thỏa thuận về chuyển nhượng hạ tầng và tài sản trên đất gắn liền với khu đất có diện tích 10.000 m² tại cụm Công nghiệp Duyên Thái, quận Thanh Trì, TP. Hà Nội.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản BRG (i)	511.397.260.273	511.397.260.273	-	-
Các khoản khác	118.645.016	118.645.016	124.086.624	124.086.624
Cộng	511.515.905.289	511.515.905.289	124.086.624	124.086.624

Ghi chú:

- (i) Bao gồm các khoản:
- Khoản tiền nhận hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 10/2019/HĐHT/BĐSBURG-AJC ngày 12/09/2019, theo đó Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản BRG chuyển cho Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Asean số tiền là 500 tỷ VND để Công ty thực hiện bổ sung vốn kinh doanh như ngành nghề đã đăng ký và chức năng khác nhau mà pháp luật không cấm. Thời gian hợp tác kinh doanh là 1 năm kể từ ngày chuyển đủ tiền, phía Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản BRG hưởng 80% lợi nhuận trước thuế từ số tiền hợp tác mang lại, tuy nhiên không thấp hơn 11%/năm.
 - Phải trả tiền lợi nhuận phân chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh theo hợp đồng kê trên với số tiền là 11.397.260.273 VND.

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	127.978.093	2.220.323.478	2.156.816.267	191.485.304
Thuế thu nhập cá nhân	24.636.222	110.120.676	46.218.384	88.538.514
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	111.578.601	111.578.601	-
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Cộng	152.614.315	2.450.022.755	2.322.613.252	280.023.818
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.622.604.062	-	-	1.622.604.062
Thuế TNCN	17.755.085	-	-	17.755.085
Cộng	1.640.359.147	-	-	1.640.359.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay bằng vàng (i)	520.150.000	520.150.000	76.200.000	-	596.350.000	596.350.000
Công Ty TNHH Du Lịch và Thương mại Hoàng Cội	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Cộng	520.150.000	520.150.000	7.076.200.000	7.000.000.000	596.350.000	596.350.000

Ghi chú:

- (i) Nhận tiền gửi tiết kiệm bằng vàng thời hạn phát sinh từ năm 2008 (trước thời điểm cổ phần hóa), lãi suất 0,7%/năm. Công ty không tiếp tục tính lãi cho khoản vay này do các khoản này đã quá hạn nhưng các cá nhân chưa đến nhận lãi.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	206.000.000.000	4.332.685.748	4.325.090.442	2.606.312.413	(9.689.291.556)	207.574.797.047
Lãi trong năm	-	-	-	-	(4.575.291.945)	(4.575.291.945)
Truy thu thuế	-	-	-	-	(26.657.244)	(26.657.244)
Số dư tại ngày 01/01/2019	206.000.000.000	4.332.685.748	4.325.090.442	2.606.312.413	(14.291.240.745)	202.972.847.858
Lãi trong năm	-	-	-	-	3.890.703.192	3.890.703.192
Số dư tại ngày 31/12/2019	206.000.000.000	4.332.685.748	4.325.090.442	2.606.312.413	(10.400.537.553)	206.863.551.050

Tình hình phát hành cổ phiếu trong năm của Công ty như sau:

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.600.000	20.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.600.000	20.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.600.000	20.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.600.000	20.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 9 ngày 12 tháng 9 năm 2018, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 206.000.000.000 VND và 206.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của tổ chức	201.872.940.000	98,00%	199.005.090.000	96,60%
Vốn góp của cá nhân	4.127.060.000	2,00%	6.994.910.000	3,40%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản thế chấp của nợ khó đòi	585.000.000	585.000.000
Nợ khó đòi đã xử lý	670.690.533	670.690.533
Cộng	1.255.690.533	1.255.690.533
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Chi	Chi
Vàng SJC nhận giữ hộ	819	1.207

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	953.975.798.516	797.321.716.186
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.509.547.931	4.497.304.895
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	958.485.346.447	801.819.021.081
Thuế giá trị gia tăng trực tiếp phải nộp	1.754.217.279	1.161.902.263
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	956.731.129.168	800.657.118.818
Giảm giá hàng bán	4.000.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	956.727.129.168	800.657.118.818

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	936.673.445.720	785.960.428.832
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	142.960.800
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(30.952.113)	(25.293.192)
Cộng	936.642.493.607	786.078.096.440

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	893.846.448	1.845.755.637
Lãi thu hợp tác kinh doanh và mua bán chứng khoán	2.849.315.068	-
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán	-	24.359.600
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.008.746	6.236.125
Cộng	3.748.170.262	1.876.351.362

Ghi chú:

- (i) Tiền lãi thu được từ việc sử dụng tiền từ hoạt động hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 10/2019/HĐHT/BĐSBGRG-AJC ngày 12/09/2019 với Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản BRG, theo biên bản quyết toán kết quả kinh doanh năm 2019 ngày 31/12/2019, Công ty được hưởng 2.849.315.068 VND lợi nhuận từ việc hợp tác kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	52.500.000	-
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán	(5.660.700)	-
Chi phí tài chính khác	5.182.180	27.902.633
Cộng	52.021.480	27.902.633

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	7.571.090.077	9.393.965.763
Chi phí vật liệu, bao bì	297.902.972	399.755.861
Chi phí đồ dùng văn phòng	114.005.166	36.807.743
Chi phí khấu hao TSCĐ	733.407.252	740.758.134
Chi phí bảo hành	-	3.730.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.328.649.091	4.795.989.612
Các khoản chi phí bán hàng khác	542.836.005	321.697.234
Cộng	14.587.890.563	15.692.704.347
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	3.055.989.166	3.384.734.032
Chi phí vật liệu quản lý	132.744.731	113.959.378
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	27.486.333	48.585.501
Chi phí khấu hao TSCĐ	560.043.268	406.739.586
Thuế, phí và lệ phí	97.331.206	193.539.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.914.829.233	1.094.829.523
Các khoản chi phí QLDN khác	33.241.867	18.159.000
Cộng	5.821.665.804	5.260.546.217

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	620.000.000	-
Các khoản khác	24.278	272.727
Cộng	620.024.278	272.727

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	3.890.703.192	(4.575.291.945)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.890.703.192)	49.785.215
Cộng chi phí không được khấu trừ	100.549.062	49.785.215
Lỗ tính thuế kết chuyển	(3.991.252.254)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	(4.525.506.730)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	-	-

Trong năm, ngoài khoản điều chỉnh chi phí không được trừ khoảng 100 triệu VND, Công ty đánh giá không có khoản chênh lệch nào khác giữa lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. KẾ HOẠCH CHUYỂN LỖ

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 8.140.938.187 VND (lỗ tính thuế) có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ, như sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển	Số lỗ phát sinh (VND)	Số lỗ đã chuyển (VND)	Số lỗ còn được chuyển
2015	2016 - 2020	11.241.043.113	7.625.611.656	3.615.431.457
2018	2019 - 2023	4.525.506.730	-	4.525.506.730
Cộng		15.766.549.843	7.625.611.656	8.140.938.187

Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản lỗ được khấu trừ này do Công ty không chắc chắn về khả năng có lợi nhuận trong tương lai.

32. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận sau thuế	3.890.703.192	(4.575.291.945)
Điều chỉnh khoản truy thu thuế (i)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.890.703.192	(4.575.291.945)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.600.000	20.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	189	(222)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú:

(i) Công ty chưa có kế hoạch trích lập các quỹ do vẫn đang lỗ lũy kế.

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Trong năm Công ty thuê trụ sở làm việc và các dịch vụ khác theo Hợp đồng thuê hoạt động số 228/XNSK/HĐTNCD ký ngày 18 tháng 7 năm 2014 giữa Công ty và Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội tại địa điểm số 89 Đinh Tiên Hoàng. Theo hợp đồng này, Công ty thuê 445,11 m² cơ sở kinh doanh với giá thuê 141.010.900 VND/tháng. Hợp đồng này đã hết hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2016, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa gia hạn được hợp đồng thuê này.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG	Cổ đông lớn
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo Công ty

Ngoài số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại thuyết minh số 17, Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG		
Mua hàng hóa, dịch vụ	600.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, ban Tổng Giám đốc trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	682.808.953	537.541.800
Cộng	682.808.953	537.541.800

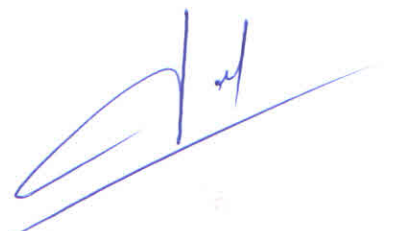
35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 2.186.858.922 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.


Lý Tiến Mạnh
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020


Nguyễn Thị Tú Quyên
Kế toán trưởng



Trần Văn Đăng
Phó Tổng Giám đốc